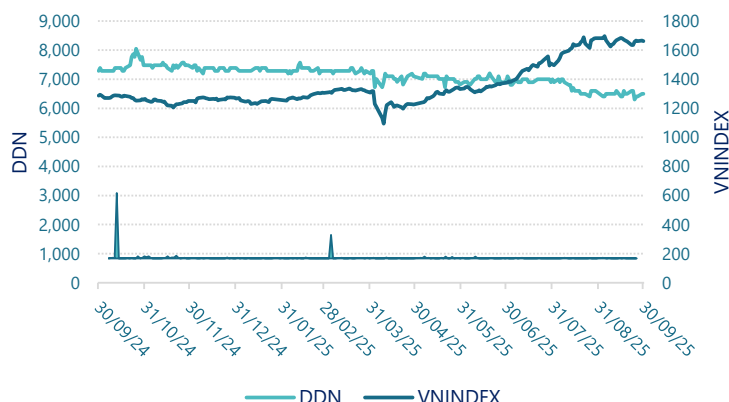


CTCP Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng (UPCOM: DDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,047
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
SL cổ phiếu LH	16,116,383
KLGD BQ 20 phiên (CP)	63,785
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
P/E	-115.9
EPS	-56

DT thuần

Q3/25

251

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 50.0 | 25.0%

YoY: ▼146 | -36.7%

LN sau thuế

Q3/25

0.76

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.53 | 230%

YoY: ▼5.00 | -86.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.2%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

9T 2025

753

tỷ VNĐ

YoY: ▼291 | -27.9%

LN sau thuế

9T 2025

2.02

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.28 | -80.3%

ROE

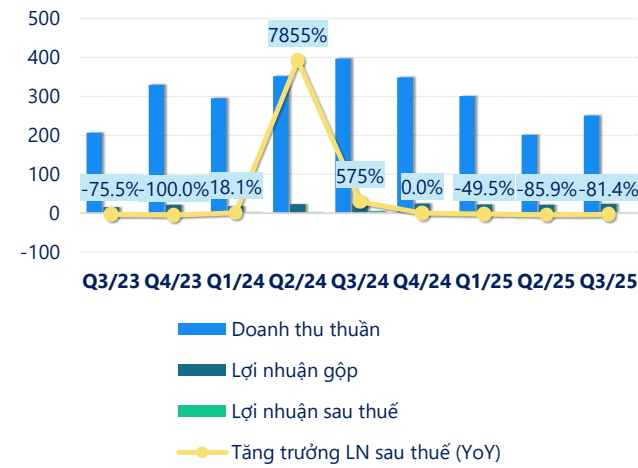
Q3/25

-0.4%

+/- YoY: ▼ 4.5%

tỷ VNĐ

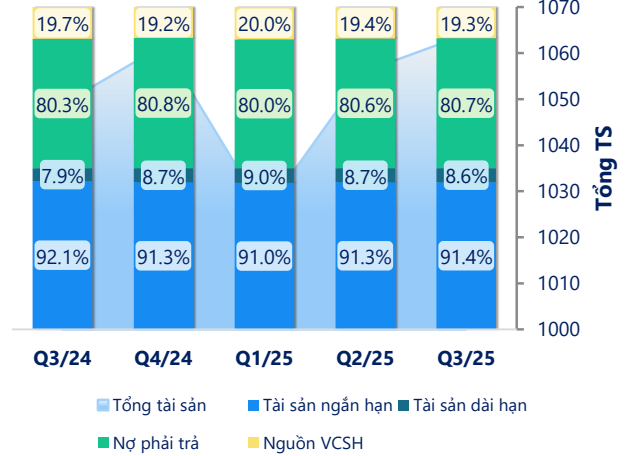
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

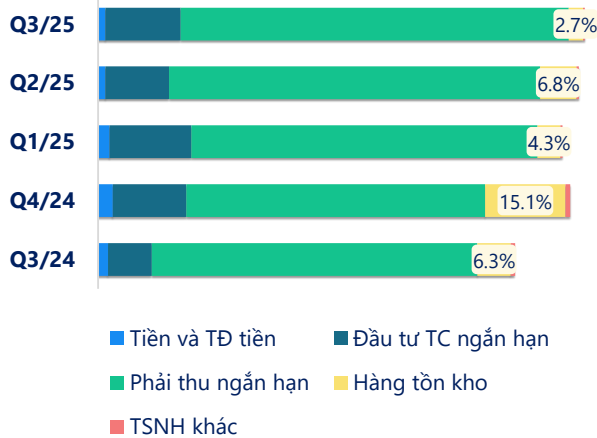
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



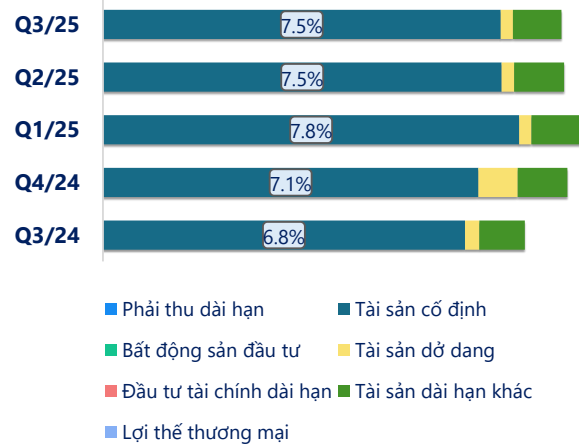
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

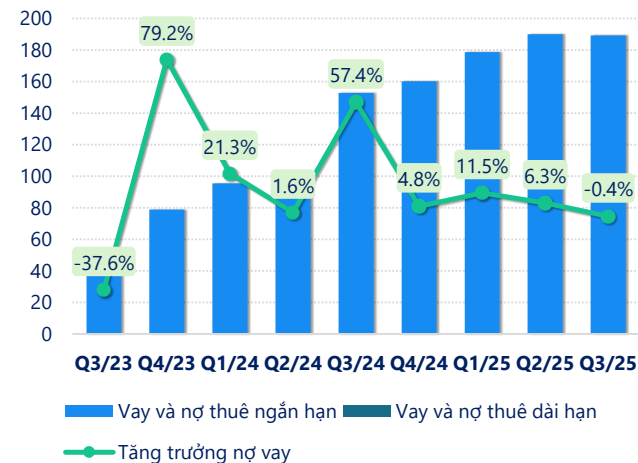
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

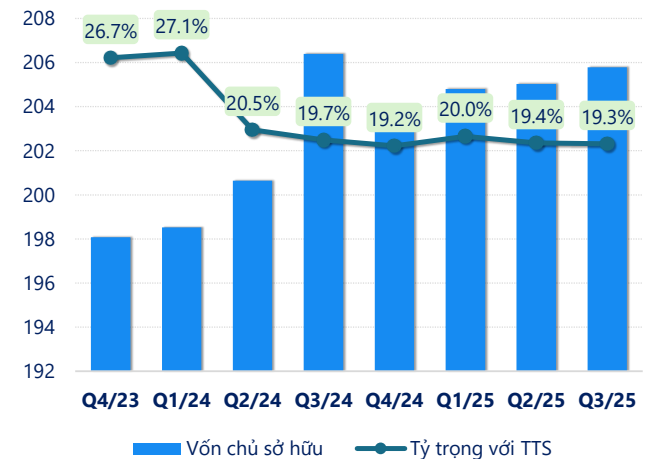
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

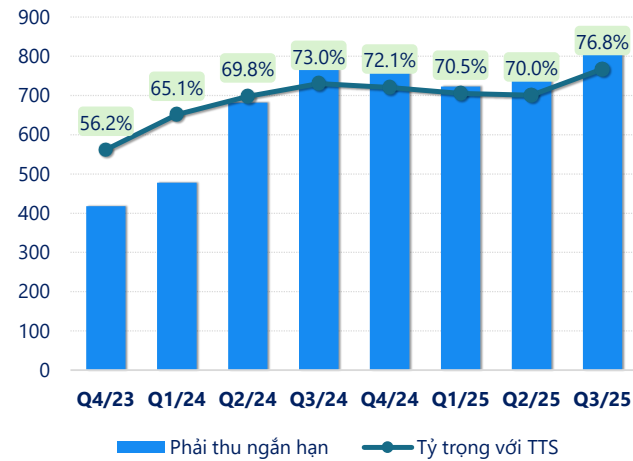
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



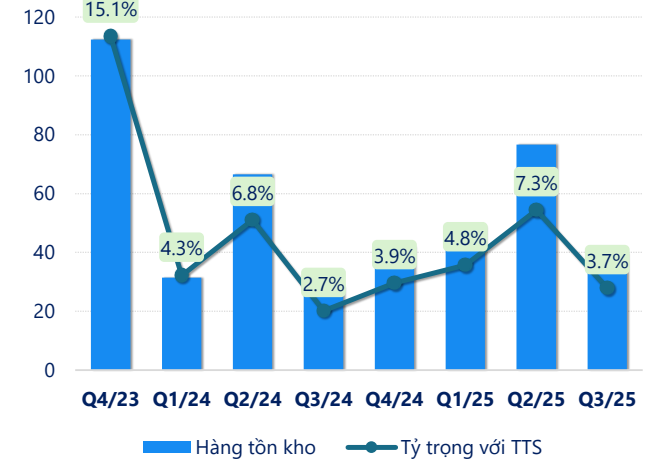
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


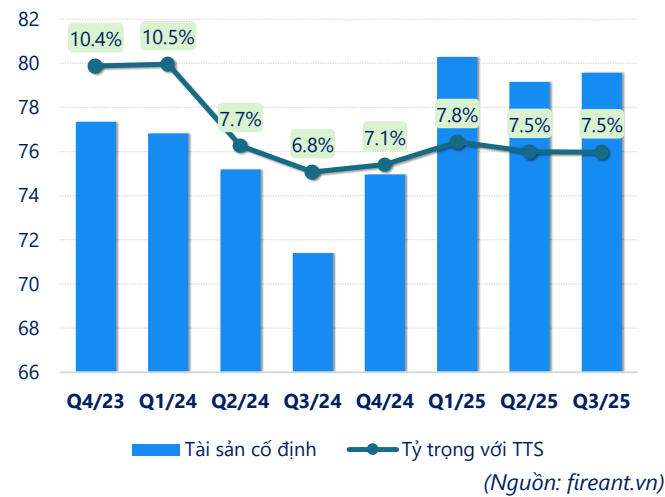
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


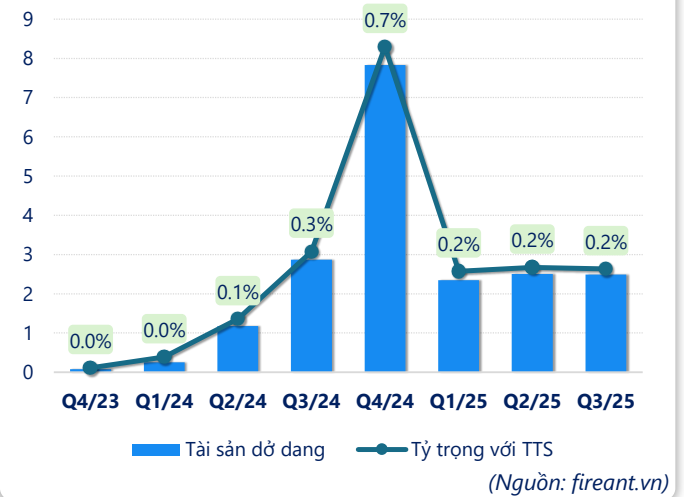
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

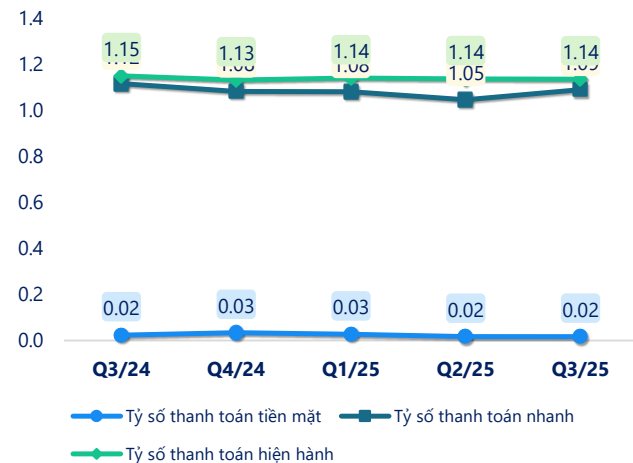
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

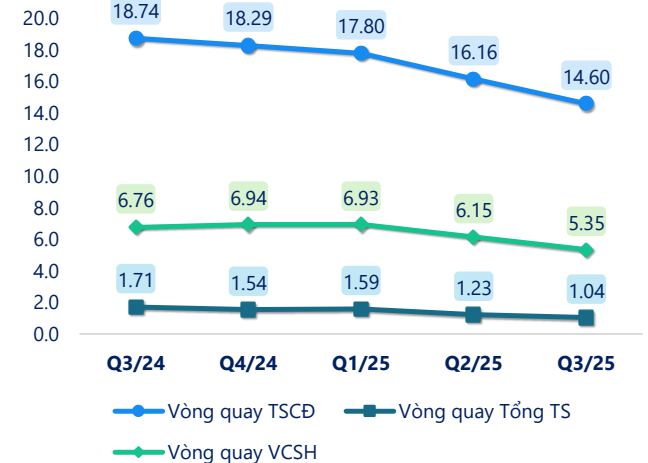
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,049	1,062	1,025	1,056	1,064
Tài sản ngắn hạn	966	969	933	964	972
Tiền và tương đương tiền	19.9	29.1	22.0	14.5	14.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	148	124	133	129	95.9
Phải thu ngắn hạn	766	765	723	740	817
Hàng tồn kho	28.2	41.9	48.8	76.6	39.6
Tài sản ngắn hạn khác	3.65	9.32	6.55	4.84	5.02
Tài sản dài hạn	83.2	92.7	92.3	91.6	91.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	71.4	75.0	80.3	79.2	79.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.87	7.83	2.35	2.51	2.49
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.95	9.94	9.67	9.96	9.71
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	843	858	821	851	858
Nợ ngắn hạn	839	856	818	848	856
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	160	179	190	189
Phải trả người bán ngắn hạn	630	626	600	611	609
Nợ dài hạn	3.10	2.48	2.69	2.69	2.73
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	206	203	205	205	206
Vốn chủ sở hữu	206	203	205	205	206
Vốn điều lệ	153	153	153	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)